

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ C**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **80/2020/QĐST-VHNGĐ**.

B, ngày 07 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 290/2020/TLST-VHNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2020 về việc “yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

NGƯỜI YÊU CẦU GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ:

- Ông **Trần Văn K**, sinh năm 1968. Địa chỉ: số 55/5 khu vực 2, phường T, quận B, thành phố C.

- Bà **Trương Thị L**, sinh năm 1975. Địa chỉ: số 55/5 khu vực 2, phường T, quận B, thành phố C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Trần Văn K và bà Trương Thị L qua thời gian tìm hiểu, đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố C, tỉnh C (cũ) vào ngày 22/8/1996. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống không tìm được tiếng nói chung, ông bà thường nảy sinh tranh cãi dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt không thể hàn gắn. Ông K, bà L nhận thấy không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân cùng nhau nên yêu cầu Tòa án công nhận ông bà thuận tình ly hôn, không đồng ý hòa giải đoàn tụ.

[2] Về con chung: thời gian chung sống ông K, bà L có hai con chung tên Trần Hoàng P (nam) sinh ngày 23 tháng 4 năm 1997 (đã trưởng thành) và Trần Quốc H (nam) sinh ngày 24 tháng 7 năm 2007. Ông bà thống nhất thỏa thuận giao con chung Trần Quốc H lại cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về lệ phí việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm: ông K, bà L phải nộp lệ phí theo quy định.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: ông Trần Văn K và bà Trương Thị L thuận tình ly hôn.
- Về con chung: con chung Trần Hoàng P (nam) sinh ngày 23 tháng 4 năm 1997 đã trưởng thành.

Giao con chung Trần Quốc H (nam) sinh ngày 24 tháng 7 năm 2007 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông K cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/ tháng (*Một triệu đồng/ tháng*) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thực hiện việc cấp dưỡng khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông K theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm: ông Trần Văn K, bà Trương Thị L mỗi người phải nộp 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) lệ phí. Chuyển 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 004655 ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận B, thành phố C thành lệ phí việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm phải nộp. Đương sự đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận .B;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận B;
- Ủy ban nhân dân P T, Q. B, thành phố C;
- (GCNKH số 67 KH 96 Quyển I ngày 22/8/1996);
- Tòa án nhân dân Thành phố C;
- Lưu (Hs, Lt, Tds)

Phạm Thị A